



Tổng công ty Bảo đảm an toàn
hàng hải miền Nam
office@vms-south.vn
02-11-2020 11:28:32 +07:00

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TỔNG CÔNG TY BẢO ĐẢM
AN TOÀN HÀNG HẢI MIỀN NAM

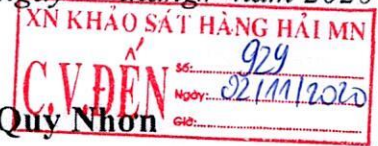
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 251 /TBHH-TCTBĐATHHMN

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 02 tháng 11 năm 2020

THÔNG BÁO HÀNG HẢI

Về thông số kỹ thuật độ sâu luồng hàng hải Quý Nhơn



BDH - 10 - 2020.

Vùng biển: Tỉnh Bình Định.

Tên luồng: Luồng hàng hải Quý Nhơn.

Căn cứ bình đồ đo sâu ký hiệu từ QN_2010_01 và QN_2010_02, tỷ lệ 1/5.000 đo đạc hoàn thành tháng 10/2020, các số liệu liên quan do Xí nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam cung cấp và theo đề nghị của Trưởng phòng An toàn hàng hải.

Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam thông báo:

1. Trong phạm vi khảo sát luồng hàng hải Quý Nhơn có chiều dài 6,3km, chiều rộng 110m, được giới hạn và hướng dẫn bởi hệ thống báo hiệu hàng hải, độ sâu nhỏ nhất bằng mét tính từ mực nước số "0" Hải đồ như sau:

- Đoạn luồng từ phao BHHH số "0" đến hạ lưu phao BHHH số "3"-180m, chiều dài khoảng 1,7km, độ sâu đạt 10,6m trở lên.

- Đoạn luồng từ hạ lưu phao BHHH số "3"-180m đến phao BHHH số "7", chiều dài khoảng 2,2km, độ sâu nhỏ nhất 10,3m trở lên.

- Đoạn luồng từ phao BHHH số "7" đến vũng quay tàu, chiều dài khoảng 2,4km, độ sâu đạt 10,8m trở lên.

2. Trong phạm vi khảo sát vũng quay trở tàu được giới hạn bởi đường tròn đường kính 300m, tâm tại vị trí có tọa độ:

Tâm vũng quay trở tàu	Hệ VN2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
"O"	13°46'44,7"N	109°14'52,0"E	13°46'41,0"N	109°14'58,5"E

- Độ sâu nhỏ nhất bằng mét tính từ mực nước số "0" Hải đồ đạt 10,9m trở lên.

3. Trong phạm vi khảo sát luồng vào khu neo đậu Đàm Thị Nại: Nối tiếp từ thượng lưu vũng quay tàu (tại khu nước phía trước Cầu cảng số 4 - Bến cảng Quý Nhơn) vào đến hết phạm vi khu neo đậu Đàm Thị Nại (tại khu vực hòn Tháp), trong đó đoạn luồng từ thượng lưu cầu cảng số 1 - Bến cảng Quý Nhơn đến khu hòn Tháp được sử dụng chung với khu nước bố trí các điểm neo đậu tàu

và được phân định thành 02 lối ra vào nằm đối xứng 02 bên trục các điểm neo đậu có chiều dài 2,6km, chiều rộng luồng 80m, tuyến luồng tận dụng độ sâu tự nhiên có tọa độ tìm tuyến xác định theo bảng sau:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
1. Tuyến luồng phía bên trái khu neo đậu				
TN1	13°46'53,8" N	109°14'47,2" E	13°46'50,0" N	109°14'53,8" E
TN2	13°47'10,0" N	109°14'21,4" E	13°47'06,3" N	109°14'27,9" E
TN3	13°47'18,7" N	109°14'14,2" E	13°47'15,0" N	109°14'20,7" E
TN4	13°47'26,7" N	109°14'10,4" E	13°47'23,0" N	109°14'16,9" E
TN5	13°47'37,4" N	109°14'06,8" E	13°47'33,7" N	109°14'13,3" E
TN6	13°47'46,6" N	109°14'06,3" E	13°47'42,9" N	109°14'12,8" E
TN7	13°47'48,9" N	109°14'08,6" E	13°47'45,2" N	109°14'15,1" E
2. Tuyến luồng phía bên phải khu neo đậu				
TN8	13°47'46,6" N	109°14'10,9" E	13°47'42,9" N	109°14'17,4" E
TN9	13°47'38,1" N	109°14'11,5" E	13°47'34,4" N	109°14'18,0" E
TN10	13°47'28,4" N	109°14'14,7" E	13°47'24,7" N	109°14'21,2" E
TN11	13°47'21,0" N	109°14'18,3" E	13°47'17,3" N	109°14'24,8" E
TN12	13°47'13,6" N	109°14'23,7" E	13°47'09,9" N	109°14'30,2" E
TN13	13°47'03,3" N	109°14'32,1" E	13°46'59,6" N	109°14'38,6" E

- Độ sâu nhỏ nhất bằng mét tính từ mực nước số "0" Hải đồ đạt 3,1m.

Lưu ý: Các đáy cá di động xuất hiện rải rác trên đoạn luồng từ phao BHHH số "16" đến khu vực Hòn Tháp.

HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI:

Các phương tiện hành hải trên tuyến luồng hàng hải Quy Nhơn căn cứ thông báo hàng hải, bình đồ độ sâu và hệ thống báo hiệu hàng hải dẫn luồng để có biện pháp hành hải an toàn. Lưu ý các đáy cá di động và tuyệt đối tuân thủ sự điều động của Cảng vụ Hàng hải Quy Nhơn. /

Nơi nhận:

- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Cảng vụ Hàng hải Quy Nhơn;
- Công ty Thông tin điện tử Hàng hải;
- Lãnh đạo Tổng công ty BDATHH miền Nam;
- Website www.vms-south.vn;
- Phòng KTKH, HTQT&QLHT;
- Lưu VT, P. ATHH^{Nhiên}

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

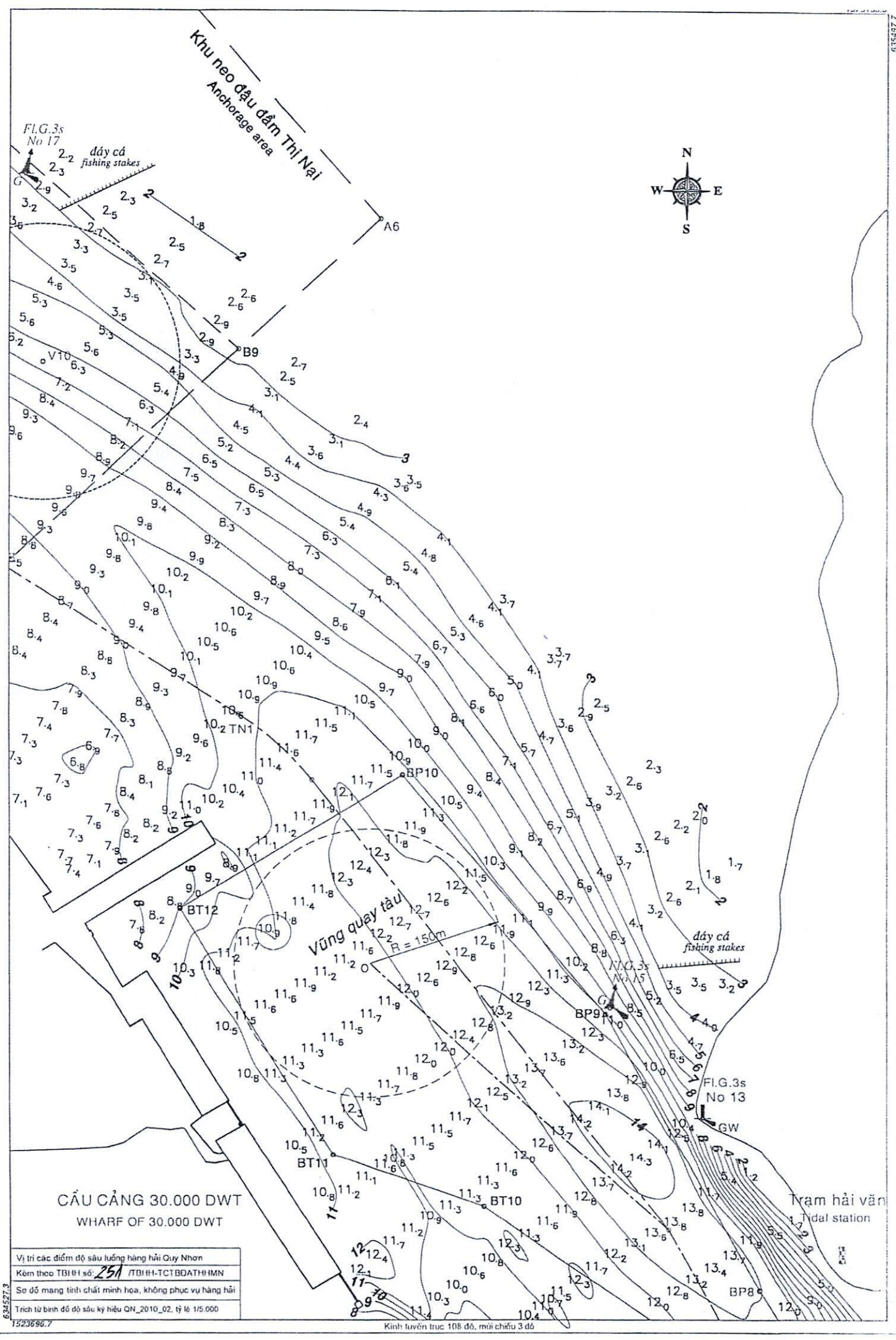


Phạm Tuấn Anh

Danh sách nơi nhận kèm theo

- 1 Bộ Tư lệnh Hải quân
- 2 Cục Đường thủy nội địa Việt Nam
- 3 Chi Cục Đường sông phía Nam
- 4 Cục Cảnh sát biển
- 5 Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
 - XNLD Dầu khí Vietsovetro (VSP)
 - Tổng Cty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC)
 - Tổng Cty Thăm dò khai thác Dầu khí (PVEP)
 - Tổng Cty Vận tải Dầu khí (PVTrans)
 - Cty CP Vận tải SP Khí quốc tế (Gas shipping)
 - Trung tâm Ứng phó sự cố tràn dầu miền Nam (NASOS)
- 6 Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam
- 7 Tổng Cty Hàng hải Việt Nam
 - Công ty Vận tải Biển Đông (BISCO)
 - Công ty Vận tải biển container Vinalines (VCSC)
 - Công ty Vận tải biển Vinalines (VLC)
 - Công ty CP Hàng hải Đông Đô (DONG DO MARINE)
 - Cty CP VT biển & Hợp tác LĐ Q tế (INLACO SAIGON)
 - Công ty CP Hàng hải Vinalines Nha Trang
- 8 Đại lý Hàng hải Sài Gòn (Vosa Sài Gòn)
- 9 Đài tiếng nói nhân dân Tp.Hồ Chí Minh
- 10 Đài Thông tin Duyên hải Quy Nhơn
- 11 Công ty Vận tải biển VN (VOSCO)
- 12 Công ty Vận tải biển III (VINASHIP)
- 13 Cty Vận tải và thuê tàu biển VN (VITRANSCHART)
- 14 Cty Vận tải xăng dầu đường biển
- 15 Cty Vận tải Thủy Bắc
- 16 Cty VT và cung ứng xăng dầu đường thủy I
- 17 Cty Vận tải biển Sài Gòn
- 18 Trường Cao đẳng nghề hàng hải TP.HCM
- 19 Trường Đại học GTVT TP.HCM
- 20 XN Tàu dịch vụ dầu khí
- 21 Chi nhánh 1 – Công ty Cổ phần Trục vớt Cứu hộ Việt Nam
- 22 Công ty Phương Nam - Bộ Quốc phòng
- 23 Xí nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam
- 24 Cty Bảo đảm an toàn hàng hải Nam Trung Bộ
- 25 Cty TNHH MTV Hoa tiêu KV VII
- 26 Sở GTVT tỉnh Bình Định
- 27 Sở NN&PTNT tỉnh Bình Định
- 28 Bộ đội biên phòng tỉnh Bình Định

151
G
C
M
12/11



CẦU CẢNG 30.000 DWT
WHARF OF 30.000 DWT

Vị trí các điểm độ sâu lượng hàng hải Quy Nhon
Kèm theo TBIH số: 251 /TBIH-TCTBDATHHVN
Số đo mang tính chất minh họa, không phục vụ hàng hải
Trích từ bình đồ độ sâu ký hiệu QN_2010_02, tỷ lệ 1/5.000



Vị trí các điểm đo sâu luồng hàng hải Quy Nhơn
Kèm theo TBHH số 251 /TBHH-TCTBDATHHMN
Sơ đồ mang tính chất minh họa, không phục vụ hàng hải
Trích từ bình đồ đo sâu kỹ hiệu QN_2010_02, tỷ lệ 1:5.000
1519216.3

Kinh luyến trục 108 đồ, mũi chiếu 3 đồ